

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRIỆU SƠN
TỈNH THANH HÓA**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 57/2021/HNGĐ-ST

Ngày 17/12/2021

Về việc: “Ly hôn,
tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN – TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Hợp

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Mạnh Hùng

Nghề nghiệp: Giáo viên nghỉ hưu, hiện cư trú tại xã Dân Lực, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa

2. Bà Ngô Thị Minh

Nghề nghiệp: Chủ tịch Ủy ban mặt trận tổ quốc xã Dân Quyền, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Ngọc Thành, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tình - Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” thụ lý số 303/2021/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2021/QĐXX- ST ngày 01/12/2021 giữa.

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1986

Bị đơn: Anh Đào Hữu H, sinh năm 1980

Đều cư trú: Thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, Bản tự khai, Biên bản hòa giải và tại phiên tòa. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th trình bày. Chị và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 01/7/2003 tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện Triệu Sơn, sau khi kết hôn vợ chồng sống chung tại thôn N, xã T, sống hòa thuận hạnh phúc được

thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H tính gia trưởng, tính toán chi ly, kiểm soát vợ con từng đồng, mọi chi tiêu trong gia đình đều phải có lý do và được sự đồng ý của anh H mới được phép chi tiêu, nếu không nghe anh H sẽ đánh mắng vợ con, mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài nhiều năm, gia đình, bạn bè đã khuyên giải nhiều lần, anh H hứa sửa chữa nhưng được thời gian ngắn lại tính nào tật ấy, cuối tháng 10 năm 2021 mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai, cuộc sống của ai người đó tự lo nay chị Th xét thấy vợ chồng không còn thương yêu tôn trọng lẫn nhau, đã mâu thuẫn trầm trọng kéo dài, chị không còn tình cảm đối với anh H, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về con chung: Chị Th trình bày vợ chồng có hai con chung cháu Đào Hữu Th, sinh ngày 04/5/2004 và cháu Đào Thị H sinh ngày 02/01/2006, từ khi vợ chồng ly thân cháu H ở với chị, cháu Th ở với anh H, nay vợ chồng ly hôn nguyện vọng cháu Th ở với bố, cháu H ở với mẹ, chị nhận trách nhiệm tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cháu H, đề nghị anh H trực tiếp nuôi cháu Th, không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai

Về tài sản và nợ: Chị Th không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn anh Đào Hữu H trình bày. Cơ sở kết hôn hôn và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng cơ bản như chị Th trình bày là đúng, ngoài nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng như chị Th trình bày, còn nguyên nhân là thời gian gần đây chị Th lạnh nhạt với anh, anh cho rằng vợ chồng tuy có mâu thuẫn, anh có vài lần đánh chửi chị là đúng nhưng anh không đồng ý ly hôn, cũng không có yêu cầu đoàn tụ, nếu chị Th muốn anh đồng ý ly hôn phải thừa nhận đã lấy tiền, vàng, xe máy của anh.

Về con chung: Anh H thống nhất vợ chồng có hai con chung như chị Th trình bày là đúng, hiện tại cháu Th đang ở với anh còn cháu H đang ở với chị Th, nếu vợ chồng ly hôn anh đồng ý để chị Th nuôi cháu H, anh nuôi cháu Th, không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Về tài sản và nợ: Anh H thống nhất không yêu cầu Tòa giải quyết.

Phản tranh luận: Các đương sự không ai tranh luận gì.

Ý kiến của đại diện viện kiểm sát huyện Triệu Sơn phát biểu như sau:

*> Việc việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Xác định đúng quan hệ pháp luật, đúng tư cách người tham gia tố tụng, tiến hành các hoạt động tố tụng như ra thông báo thụ lý, hòa giải, tiến hành xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ, tổng đạt văn bản tố tụng, giao hồ sơ cho viện kiểm sát nghiên cứu đúng trình tự tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và thư ký tại phiên tòa: HĐXX đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về và các văn bản có liên quan về xét xử vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của đương sự: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự

*> Về nội dung:

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị Th, xử cho chị Th được ly hôn anh H.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81,82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, căn cứ nguyện vọng các con, giao chị Th tiếp tục nuôi cháu H, anh H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Th cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào, hai bên được quyền đi lại thăm nom con chung, không được ngăn cản.

Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét

Về án phí: Đề nghị áp dụng Điều 147 BLTTDS, Nghị quyết số 326/ 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về án phí lệ phí Tòa án, buộc nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Th và anh Đào Hữu H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 01/7/2003 tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện T, tỉnh Thanh Hóa nên là hôn nhân hợp pháp, sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, anh H tính gia trưởng mọi việc lớn nhỏ trong gia đình tự quyết định và bắt ép chị Th phải nghe theo, kinh tế chi ly quản lý từng đồng, chị Th góp ý anh H không nghe mà cho rằng bản thân làm ra kinh tế nên được quyền quản lý mọi chi tiêu trong gia đình, chị Th đòi hỏi là hỗn láo nên đánh chửi, xúc phạm chị nhiều lần, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 11/2021 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị Th xét thấy tình cảm vợ chồng không còn chị đề nghị được ly hôn với anh H. Quá trình hòa giải cũng như tại phiên tòa anh H đều thừa nhận cơ sở kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng cơ bản như chị Th trình bày là đúng nhưng anh không đồng ý ly hôn, nếu chị Th cương quyết ly hôn, phải thừa nhận đã lấy tiền, vàng và xe máy của anh thì anh mới đồng ý ly hôn.

Xét tình trạng hôn nhân của vợ chồng thấy, quá trình giải quyết anh H thừa nhận tình trạng hôn nhân của vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, hiện tại vợ chồng đã sống ly thân, việc anh quản mọi chi tiêu trong gia đình và yêu cầu vợ con phải

nghe, chị Th góp ý là hỗn láo nên anh có đánh đánh chửi vợ con, nhưng anh cho rằng chỉ là chuyện bình thường về dạy bảo vợ con nên anh không đồng ý ly hôn, cũng không có yêu cầu đoàn tụ, nếu chị Th muốn được anh đồng ý ly hôn phải thừa nhận đã lấy tiền, vàng và xe máy của anh.

Xét thấy việc anh H không đồng ý ly hôn cũng không có yêu cầu đoàn tụ nhưng lại yêu cầu chị Th phải thừa nhận đã lấy tiền, vàng, xe máy của anh thì anh đồng ý ly hôn, điều này thể hiện tình cảm vợ chồng không còn việc anh H không đồng ý ly hôn là thể hiện tính gia trưởng, cái tôi ích kỷ của bản thân nhằm kéo dài cuộc sống hôn nhân để hành hạ, ngược đãi chị Th về thể xác và tinh thần như anh thừa nhận tại phiên tòa, mà không nhằm đến hàn gắn tình cảm, xây dựng gia đình hạnh phúc, thực tế vợ chồng đã sống ly thân không ai quan tâm đến ai, tại phiên tòa chị Th vẫn thiết tha xin ly hôn, do đó yêu cầu ly hôn của chị Th là thực tế, phù hợp với kết quả xác minh của Tòa án, phù hợp với tình trạng hôn nhân của vợ chồng, phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với ý kiến của anh H tại phiên tòa là không yêu cầu đoàn tụ. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Th, xử cho chị Th được ly hôn anh H.

[2] Về con chung: Vợ chồng có hai con chung cháu Đào Hữu Th, sinh ngày 04/5/2004 và cháu Đào Thị H, sinh ngày 02/01/2006, nay ly hôn đều thỏa thuận chị Th trực tiếp nuôi cháu H, anh H trực tiếp nuôi cháu Th và đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy vợ chồng có hai con chung các cháu đều đã lớn, cháu H có nguyện vọng ở với mẹ, cháu Th có nguyện vọng ở với bố, thỏa thuận của vợ chồng về con chung là phù hợp với nguyện vọng các con, phù hợp với kết quả xác minh của Tòa án, phù hợp với điều kiện nuôi dưỡng của mỗi bên. Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc giao nuôi con, chị Th trực tiếp nuôi cháu H, anh H trực tiếp nuôi cháu Th, hai bên đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, hai bên có quyền và nghĩa vụ thăm nom con, không ai được ngăn cản.

[3] Về tài sản, nợ: Các bên đều thống nhất không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lý lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 4 Điều 147, Điều 271, 273, 280 của Bộ luật tố Tụng dân sự; Điều 51, 56, 57, 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý về án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị Th và anh Đào Hữu H

Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, chị Th tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Đào Thị H, anh H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Đào Hữu Th, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau, vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, hai bên được quyền và nghĩa vụ đi lại, thăm nom chăm sóc con chung, không ai được cản trở nhưng hai bên không được lợi dụng việc nuôi con, thăm con để làm ảnh hưởng đến việc chăm sóc nuôi dưỡng con.

Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo biên lai số 6330 ngày 29/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn, chị Th đã nộp đủ án phí.

Quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn, bị đơn đều có mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, thời hạn kháng nghị của Viện kiểm sát cùng cấp và cấp trên theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Triệu Sơn;
- CCTHADS huyện Triệu Sơn;
- UBND xã D;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ VA, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Lê Đình Hợp